

Bản án số: 18/2022/LĐ-ST  
Ngày: 06-4-2022  
V/v tranh chấp tiền lương

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích
2. Ông Phạm Thái Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3 và 06 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2020/TLST-LĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp tiền lương, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 796/2022/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm N D, sinh năm 1982 – Có mặt

Địa chỉ: 111/828B N K, Phường B, quận G V, Thành phố H

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Võ Thị N L, sinh năm 1959, địa chỉ: 228 Lô J chung cư Nguyễn T T, Phường M, Quận B, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 000153 ngày 11/01/2021 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thành Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt

**Bị đơn:** Công ty P G

Địa chỉ: số 56 Hồ T M, phường B N, Quận M, Thành phố H.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Ông Phạm Q H, sinh năm 1985, địa

chỉ: 80 Ngô Đ K, phường B N, Quận 1, Thành phố H là người đại diện theo pháp luật – Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Ông Phạm N D trình bày:**

Ông Phạm N D làm việc tại Công ty P G (sau đây gọi là Công ty) thông qua việc phỏng vấn trực tuyến trên phần mềm ZOOM meetings, ngày 22/4/2020 ông nhận được thư mời nhận việc được gửi từ địa chỉ email Võ Thị H R – [ran.vth@ats-vn.com](mailto:ran.vth@ats-vn.com), với vị trí trưởng nhóm Marketing, mức lương là 25.000.000 đồng/tháng (mức lương này ông được thông báo từ giám đốc Công ty là Phạm Q H, Công ty có quy định bảo mật tiền lương đối với các nhân viên), hai bên có ký hợp đồng lao động nhưng ông không nhận được bản hợp đồng đã ký.

Theo thỏa thuận giữa hai bên, thời gian thử việc là 02 tháng kể từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/7/2020, Công ty trả lương vào ngày đầu tháng, mỗi tháng làm việc 26 ngày (chỉ nghỉ chủ nhật). Trong quá trình làm việc, Công ty đã thanh toán tiền lương 02 tháng thử việc là lương tháng 05/2020: 12.777.000 đồng và lương tháng 6/2020: 19.017.000 đồng, nhưng vẫn chưa thanh toán đủ. Sau 02 tháng thử việc, ông tiếp tục làm việc nhưng Công ty không tạo điều kiện thuận lợi cho ông và không thanh toán tiền lương đúng hạn.

Đến ngày 04/8/2020, ông đã nộp đơn bằng email xin thôi việc, do Công ty không thanh toán khoản tiền lương những ngày ông làm việc trong thời gian thử việc và những ngày làm việc chính thức.

Ngày 20/8/2020, ông nộp đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động với Công ty P G ra Phòng Lao Động - Thương binh và Xã hội - UBND Quận 1 để yêu cầu giải quyết tranh chấp về tiền lương nhưng đại diện Công ty vắng mặt 02 lần không có lý do chính đáng nên giữa hai bên không thể hòa giải được.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán tiền lương còn thiếu là 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn thanh toán tiền lương của hai tháng thử việc còn thiếu là 10.706.000 đồng và tiền lương những ngày làm việc chính thức từ 22/7/2020 đến 03/8/2020 (11 ngày) là 10.576.918 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn là Công ty P G trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2. Ngày 08/12/2021, bị đơn được sao chụp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối bằng văn bản nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán thanh toán tiền lương của hai tháng thử việc còn thiếu là 10.706.000 đồng và tiền lương những ngày làm việc chính thức từ 22/7/2020 đến 03/8/2020 là 10.576.918 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về tiền lương với bị đơn là Công ty P G có trụ sở tại 56 Hồ T M, phường B N, Quận M, Thành phố H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1.

[2] Về điều kiện khởi kiện: Xét tranh chấp lao động giữa cá nhân người lao động và người sử dụng lao động về trường hợp tranh chấp tiền lương, thuộc trường hợp phải qua thủ tục hòa giải quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; ngày 04/9/2020 ông D đã qua thủ tục hòa giải của Hòa giải viên lao động mà hòa giải không thành; ngày 11/11/2020 ông D nộp đơn khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện.

#### ***Về áp dụng pháp luật nội dung:***

[3] Xét quan hệ lao động giữa ông D và Công ty P G:

[4] Công ty P G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2. Ngày 08/12/2021, Công ty được sao chụp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm: Thư mời nhận việc vị trí Marketing Lead ngày 22/4/2020 được gửi từ email: Võ Thị Hồng, Rân “[ran.vth@ats-vn.com](mailto:ran.vth@ats-vn.com)” đến email Dung Pham “[pham.nguyen.dung82@gmail.com](mailto:pham.nguyen.dung82@gmail.com)”, nội dung hai bên trao đổi ghi nhận mời Ông Phạm N D nhận việc với vị trí Marketing Lead; Thư xin nghỉ việc và bàn giao ngày 04/8/2020 gửi từ email: Dũng Phạm Nguyễn [dung.pn@tdalong.vn](mailto:dung.pn@tdalong.vn) đến Phạm, Huy “[huy.pham@ats-vn.com](mailto:huy.pham@ats-vn.com)” và Liên Nguyễn Thị Bích “[lien.ntb@ats-vn.com](mailto:lien.ntb@ats-vn.com)”; Thư yêu cầu thanh tiền lương tháng 7/2020 ngày 12/8/2020 gửi từ email: Dung Pham “[pham.nguyen.cung82@gmail.com](mailto:pham.nguyen.cung82@gmail.com)” đến Huy.pham “[huy.pham@ats-vn.com](mailto:huy.pham@ats-vn.com)” và Lien.ntb “[lien.ntb@ats-vn.com](mailto:lien.ntb@ats-vn.com)”; sao kê từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Phòng giao dịch Bến Thành, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ Điều 10, Điều 16 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005, khoản 1 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu thư điện tử (email) có giá trị làm chứng cứ, xác định hai bên có xác lập quan hệ lao động, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật lao động.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù cả hai bên có xác lập quan hệ lao động, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng lao động nên không xác định được thời gian thử việc, mức lương và ngày trả lương; bị đơn có ủy quyền cho nhân viên Công ty đến Tòa án sao chụp tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án vào ngày 08/12/2021, nhưng không có ý kiến phản đối bằng văn bản. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa trên nguyên tắc có lợi cho người lao động làm căn cứ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Theo nguyên đơn trình bày, các bên có thỏa thuận về thời gian thử việc từ ngày 21/5/2020 đến ngày 21/7/2020. Thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động năm 2012 “*thời gian thử việc không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ*

*thuật từ cao đẳng trở lên*”; Căn cứ Điều 28 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về tiền lương trong thời gian thử việc như sau: “*Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất bằng 85% mức lương của công việc đó*”. Nguyên đơn với mức lương chính thức là 25.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng lương thử việc của nguyên đơn tương đương với 21.250.000 đồng (85%), tại phiên tòa nguyên đơn khai tiền lương của nguyên đơn bị Công ty trừ tiền thuế thu nhập cá nhân và tiền bảo hiểm xã hội, nhưng lại không kê khai và nộp cho nguyên đơn. Vì vậy, tiền lương thực nhận khi thử việc nguyên đơn không nhận đủ 21.250.000 đồng/tháng. Sau khi kết thúc thời gian thử việc là ngày 21/7/2020, ông D vẫn tiếp tục làm việc nhưng Công ty không ký hợp đồng lao động với ông D là vi phạm khoản 1 Điều 29 Bộ luật Lao động năm 2012, đến ngày 04/8/2020 ông D mới có đơn xin nghỉ việc.

[7] Căn cứ Sao kê tài khoản ngày 06/11/2020 của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam do nguyên đơn cung cấp và thu thập chứng cứ của Tòa án ngày 11/6/2022 thì Ông Phạm N D đã nhận tiền lương tháng 5 và tháng 6 năm 2020 lần lượt với số tiền là 12.777.000 đồng và 19.017.000 đồng. Xét, người chuyển tiền lương cho ông D là ông Phạm Q H là người đại diện theo pháp luật của Công ty, ông D không tranh chấp về số tiền lương đã nhận, đồng thời, việc ông Huy chuyển khoản trả tiền lương cho ông D cũng không trái với quy định tại Điều 94 Bộ luật Lao động năm 2012 nên không cần thiết phải đưa ông Phạm Quang Huy vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định Công ty còn nợ ông D tiền lương thử việc là 10.706.000 đồng (42.500.000 đồng – 31.794.000 đồng) và tiền lương của những ngày làm việc chính thức từ 22/7/2020 đến 03/8/2020 là 10.576.918 đồng (961.538 đồng/ngày x 11 ngày), tổng cộng là 21.282.918 đồng như ông D trình bày tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 28, Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm N D.

Buộc Công ty P G thanh toán tiền lương thử việc còn thiếu là 10.706.000 đồng và tiền lương của những ngày làm việc chính thức từ 22/7/2020 đến 03/8/2020 là 10.576.918 đồng, tổng cộng là 21.282.918 đồng.

Các bên thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Công ty P G phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 638.488 đồng

Ông Phạm N D không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm N D có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Công ty P G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**Nguyễn Thị Phượng**